TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **474**/2023/ST-HNGĐ
Ngày: 18/9/2023
V/v *Tranh chấp xin ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **H**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà N và ông Đ
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà T, Thư ký
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*:* Ông T - Kiểm sát viên

Ngày 18/9/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 07 năm 2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 306/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 166/2023/QĐ-HPT ngày 07/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ T D, sinh năm 1986

CCCD/CMND số 02518600**** do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày **/*/2018; ĐKHKTT: Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nơi ở hiện nay: Số **B ngõ */* H, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

(Chị D có mặt tại phiên toà)

Bị đơn: Anh Nguyễn V L, sinh năm 1987

CCCD/CMND số: 03408700**** do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày **/*/2018; ĐKHKTT: Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nơi ở hiện nay: Số ** ngõ *** K, phường H, quận T, thành phố Hà Nội;

(Anh L vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn, bản tự khai, và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Tạ T D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ T D và anh Nguyễn V L đăng ký kết hôn ngày ngày 28/4/2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh T trên

cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận tại quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đến năm 2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L nhiều lần đánh đập, xúc phạm, nghi ngờ và coi thường chị và gia đình. Mặc dù gia đình hai bên đã có nhiều biện pháp hòa giải nhưng không thể hoà giải được, hiện nay anh chị đã sống ly thân từ tháng 11/2022 đến nay. Chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L vì chị D thấy không còn tình cảm với anh L và mong muốn được ly hôn để chị ổn định cuộc sống riêng và nuôi con.

Về con chung: Chị Tạ T D xác nhận chị và anh Nguyễn V L có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H A, sinh ngày **/**/2016. Hiện nay cháu đang ở cùng chị và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Sau khi ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung, thu nhập của chị D khoảng 20.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung: Chị Tạ T D không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Chị Tạ T D không yêu cầu vấn đề gì khác.

Về án phí: Chị Tạ T D tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Các vấn đề khác: Chị Tạ T D không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn V L: Trong quá trình giải quyết vụ án anh L đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị D. Ngày 14/8/2023 anh L đã có ý kiến trình bày tại bản tự khai như sau: Do anh L không phải là người làm đơn ly hôn, anh xin vắng mặt và đề nghị Toà án không báo cho anh, anh L cũng không tham gia các buổi làm việc tại Toà án.

Tại phiên tòa: Chị Tạ T D vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại các buổi làm việc tại Toà án và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh L vắng mặt tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên toà, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tạ T D và anh Nguyễn V L. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc H A, sinh ngày **/**/2016 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn V L khi các bên có yêu cầu khác. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung: Chị D, anh L không có và không yêu

cầu giải quyết nên không xét. Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của chị D xin ly hôn với anh Nguyễn V L là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Nguyễn V L có nơi cư trú tại quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân quận Thanh Xuân.

- Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định. Bị đơn đã được Toà án tống đạt theo đúng quy định nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội D:

Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Tạ T D xin ly hôn đối với anh Nguyễn V L thấy: Chị Tạ T D và anh Nguyễn V L kết hôn có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 28/4/2016 tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh T trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Anh, chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống không hợp nhau nguyên nhân vợ chồng không có sự đồng cảm, chia sẻ, thương yêu và tôn trọng lẫn nhau, nên thường nảy sinh những bất đồng. Vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng kết quả không thể hàn gắn được, nên chị D xin ly hôn với anh L. Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình chung sống của chị Tạ T D và anh Nguyễn V L đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D, giải quyết cho chị D được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị Tạ T D và anh Nguyễn V L có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H A, sinh ngày **/**/2016. Hiện nay cháu đang đang ở với mẹ và có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Sau khi ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H A, do đó giao cháu H A cho mẹ là chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D trình bày thu nhập của chị khoảng

20.000.000 đồng/01 tháng đủ điều kiện nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh L kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, nhà đất chung và vay nợ chung: Chị Tạ T D và anh Nguyễn V L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về những vấn đề khác: Chị D và anh L không có yêu cầu gì khác.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 277; Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tạ T D đối với anh Nguyễn V L. Chị Tạ T D được ly hôn anh Nguyễn V L.

2. Về con chung: Chị Tạ T D và anh Nguyễn V L có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H A, sinh ngày **/**/2016. Giao cháu Nguyễn Ngọc H A cho cho mẹ là chị Tạ T D chăm sóc nuôi dưỡng con chung kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18) tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn V L, kể từ khi ly hôn cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà ở, và vay nợ chung: Chị Tạ T D và anh Nguyễn V L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về những vấn đề khác: Chị D và anh L không có yêu cầu gì.

5. Về án phí: Chị Tạ T D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0004066 ngày 13/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Án xử sơ thẩm công khai, chị D có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L vắng mặt tại

phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi Cục THADS Thanh Xuân;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

H